TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Minh Suốt;
2. Bà Ngô Thị Diền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phùng Tú Q, sinh năm 19xx(Có mặt).
Địa chỉ: Số A ấp B, xã D, huyện C, tỉnh S.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx(Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 22 tháng 02 năm 2018, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Phùng Tú Q trình bày:

Bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C cưới nhau năm 2011 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn C không lo làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn từ đó bà Q và ông C thường xuyên cải vả cùng nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C có 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Minh S, sinh ngày 25/7/2012 hiện

đang sống cùng ông Nguyễn Văn C. Sau khi ly hôn bà Q đồng ý để ông C được tiếp tục nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C: Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nhưng ông Nguyễn Văn C không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Q xin ly hôn cũng như việc nuôi con, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống của bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Minh S, sinh ngày 25/7/2012 đến tuổi trưởng thành, bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử . Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà Q và ông C cưới nhau năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Phùng Tú Q không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Tòa án thụ lý đơn yêu cầu của bà Phùng Tú Q và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C có 01đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Minh S, sinh ngày 25/7/2012 hiện đang sống với ông Nguyễn Văn C. Xét thấy, từ khi bà Phùng Tú Q

và ông Nguyễn Văn C sống ly thân cùng nhau đến nay thì cháu Nguyễn Ngọc Minh S, sinh ngày 25/7/2012 do ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tại phiên tòa bà Q đồng ý nhường quyền cho ông Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi con đến trưởng thành. Để tránh cuộc sống hiện tại của cháu Minh S bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Minh S, nên cần tiếp tục giao các cháu Nguyễn Ngọc Minh S cho ông Nguyễn Văn C được quyền tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành;

[4] Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phùng Tú Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phùng Tú Q và ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc Minh S, sinh ngày 25/7/2012 đến trưởng thành; bà Phùng Tú Q được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phùng Tú Q phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008911 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Q đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiện